

LÀNG NGHỀ TRÊN ĐẤT SÀI GÒN XƯA

Nguyễn Thanh Lợi

Trường Cao đẳng Sư phạm TW TP.HCM

1. Tiền đề kinh tế-xã hội

Năm 1772, Nguyễn Cửu Đàm cho xây dựng lũy Bán Bích dài 10km, từ rạch Lò Gốm gần chùa Cây Mai vòng quanh cánh đồng Tập Trận (quận 10, quận 8 nay) rồi ngoặt theo rạch Thị Nghè xuống tới Cầu Bông (quận 1) để đề phòng quân Xiêm cho cả 2 trung tâm Bến Nghé (quận 1) và Sài Gòn (quận 5). Lại đào kinh Ruột Ngựa (Mã Trường giang) nối từ cửa Rạch Cát ra phía bắc Lò Gốm, khai thông việc chở lúa gạo từ miền Tây lên thành phố. Lúc này hàng quán, chợ búa đã phát triển; hình thành nên một “thành thị” với đủ yếu tố “thành” và “thị”. Người phương Tây khi nói về Bến Nghé – Sài Gòn vẫn gọi vùng đất này là *Sai Gon City* hay *Ville de Saigon*.¹

Trên bản đồ của Trần Văn Học (1815), ta thấy trên đường dẫn vào Chợ Lớn đã có nhiều cửa hàng buôn bán. Đường thủy và đường bộ nối liền hai trung tâm Sài Gòn và Chợ Lớn là các *xóm làng chợ*. Hai bên rạch Bến Nghé có đến 21 làng như vậy. Các làng này được tổ chức hoạt động theo chuyên ngành về thương mại cũng như về nghề thủ công. Xuất hiện nhiều chợ chuyên doanh như chợ Bến Thành, chợ Điều Khiển, chợ Sỏi, chợ Cây Da Còm, chợ Quán, chợ Nguyễn Thực, chợ Lò Rèn, chợ Bình An... hợp thành một chuỗi đô thị nhỏ.²

Kinh Tàu Hủ là trục xương sống tạo thị quan trọng, gắn với không gian đô thị hóa trải dài trên một dải đất hẹp, lan từ bờ kinh đến đường thiên lý. Các chợ, phố và xóm thủ công sầm uất do mặt hàng gạo tạo ra. Lò Gạch, Lò Lu, Lò Gốm, Lò Siêu là những xóm thủ công nổi tiếng nằm ven rạch Lò Gốm và kinh Ruột Ngựa. Một bộ mặt phố thị Sài Gòn hiện ra với “phố xá liên tiếp, thêm mái cùng nhau”.

¹ Nguyễn Minh Hòa (2006), *Vùng đô thị châu Á & TP Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.171-172.

² Lê Quang Ninh (chủ biên) (2004), Stéphane Dovert, *Saigon ba thế kỷ phát triển và xây dựng*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.41-42.

2. Những làng nghề xưa của Sài Gòn

Sài Gòn xưa có nhiều địa danh gắn với các nghề tiểu thủ công: xóm Đệm Buồm, xóm Lá, xóm Lụa, xóm Chậu, xóm Cối Xay, xóm Lò Heo, xóm Củ Cải, xóm Cóm (quận 1), xóm Chiếu, xóm Bạc, xóm Nhíp (quận 4), xóm Chỉ, xóm Dầu, xóm Bột, xóm Cải, xóm Vôi, xóm Câu (quận 5), xóm Giá, xóm Lò Bún, xóm Lò Chén, xóm Lò Gạch, xóm Lò Gốm, xóm Ụ Ghe (quận 6), xóm Củi, xóm Te (quận 8), xóm Lò Bún (quận 10), xóm Dệt, xóm Gà (quận Gò Vấp), xóm Hàng Nhôm, xóm Kiệt, xóm Lò Đúc (quận Phú Nhuận), xóm Lò Da (quận Tân Bình), xóm Cối (huyện Bình Chánh)...Nhưng có đặc thù là không có làng nghề nào kể trên liên quan trực tiếp đến các phố thị chuyên doanh. Do các sản phẩm này đã được phân phối trực tiếp ở các chợ, cửa hàng tạp hóa hay bán buôn về các tỉnh.³

Đến năm 1791, khu vực Sài Gòn-Bên Nghé đã có 62 ty thợ, gồm các ty thợ mộc, làm nhà, chạm bạc, thừng chảo, tiện, cura, đúc, thợ may thêu, sơn, nhuộm, dệt hoa, thợ vẽ, dệt the, thợ lông, thợ giày, thếp vàng, chế mực bằng muội đèn...Các phường thợ đó đã để lại dấu vết qua các địa danh ở thành phố TP. Hồ Chí Minh như: Hàng Đinh, xóm Chiếu, đường Thợ Tiện, cầu Muôi, xóm Gốm, xóm Lá Buông, xóm Lò Rèn, xóm Cân, xóm Dầu, bên Vạn Đò, xóm Chỉ, xóm Lò Gốm, xóm Lò Vôi, chợ Đũi, chợ Sồi, xóm Đệm Buồm, xóm Bột, cầu Đường, xóm Chậu, xóm Lụa...

Nghề đóng thuyền ở Sài Gòn xưa khá phát triển . Xưởng Chu Sư được lập vào năm 1790 dưới thời Nguyễn Ánh , dài đến 3 dặm, làm nơi đóng và sửa chữa tàu thuyền . Đây là bên đầu của các chiến thuyền , thuyền đi biển , kho chứa dụng cụ thủy c hiến:”Ở cách phía đông thành độ 1 dặm dọc theo bờ sông Tân Bình quanh theo sông Bình Trị nhà làm gác để hải đạo thuyền (đồ thủy chiến sở trường của nước Nam), chiến hạm, ghe sơn

³ Nguyễn Minh Hòa, *Phố chuyên doanh ở Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.94-95. Vương Hồng Sển (1991), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.144-147. Chúng tôi thống kê được 20 địa danh liên quan đến các làng nghề, phân bố cả trong nội và ngoại thành TP. Hồ Chí Minh trong cuốn *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn – Hồ Chí Minh* (Lê Trung Hoa chủ biên, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2003). Trên thực tế, số lượng địa danh chỉ các làng nghề ở Sài Gòn xưa còn phong phú hơn nhiều.

*đen, ghe sơn đỏ (phàm những thuyền đều thông xưng là ghe) dùng làm dụng chiến cụ, ghe ấy lớn và dài, dày và bền, có đặt nhiều mái chèo, ngoài sơn dầu đen gọi là ghe đen, sơn đỏ gọi là ghe đỏ) và ghe lê (ghe thuyền đều chạm trổ vẽ vờ từ đầu đến đuôi gọi là ghe lê) cùng là dụng cụ thuyền chiến. Xương dài đến 3 dăm”.*⁴

Còn Trang Thuyền Tụ là nơi qui tụ các làng nghề đóng ghe thuyền của dân chúng ở ngã ba sông Nhà Bè huyện Phước Long, thường gọi là phường Trường Đà. Nơi đây đóng mới hoặc sửa chữa ghe thuyền. Từ khi có chiến tranh với Tây Sơn, dân chúng đã tiêu tán, các làng nghề không còn tồn tại.⁵

Từ giữa thế kỷ XIX, hoạt động xuất nhập khẩu ở Sài Gòn đã diễn ra khá nhộn nhịp, buôn bán trực tiếp với các nước phương Tây. Các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp sản xuất ở đây cho ta thấy một bức tranh sôi động của các làng nghề:

*“Trong Cầu Đường chuốt ngọt hơn,
Đù đường cát, đường hạ, đường phèn, đường phôi.
Ngoài Xóm Bột phơi phong trắng giã,
Những bột mì, bột đậu, bột lọc, bột khoai.
...Đồn tiếng Nam Châu thì đã phải,
Ghe đen mũi, ghe vàng mũi vào ra coi lò nước.
Người phương đông qua lại bán buôn,
Tàu xanh mang, tàu đỏ mang, hàng hóa chất nhất trời”.*⁶

Theo Derbes, vùng Chợ Lớn có 30 lò gốm với 3 địa điểm sản xuất: Hòa Lục và Phú Định, Cây Mai và Lò Gốm, Vin Hoi và Lieng Thanh (Can Hoi). Sản phẩm của các lò này bao quát cả vùng Phú Lâm -Phú Định với dòng “gốm Cây Mai” nổi tiếng. Các địa danh xóm Lò Gốm (trong bản đồ Sài Gòn-Bên Nghé của Trần Văn Học năm 1815), Xóm Châu, rạch Lò Gốm (quận 6, 8), bên Lò Gốm (quận 6), Xóm Đất, đường Lò Siêu (quận

⁴ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Tập hạ, Nguyễn Tào dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr.77.

⁵ *Đại Nam nhất thống chí*, Tập thượng, Nguyễn Tào dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1973, tr.77.

⁶ Trương Vĩnh Ký (1997), *Gia Định phong cảnh vịnh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.24-26.

11)...nói lên địa bàn sản xuất của gốm Cây Mai. Trong bài phú *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh* sáng tác đầu thế kỷ XIX có nhắc đến địa danh này:

*“Cắc cớ chợ Lò rèn,
Nghe chạc chạc nghe nhà Ban đánh búa.
Lạ lòng xóm Lò Gốm,
Chơn vò vò Bàn Cổ xây trời”.*

Di tích lò gốm Hưng Lợi nằm trong làng Hòa Lục (phường 16, quận 8) được các nhà khảo cổ học khai quật trong 2 năm 1997-1998, thuộc địa bàn một làng cổ nằm ven kênh Ruột Ngựa và kênh Lò Gốm, một trong những làng nghề nổi tiếng của Sài Gòn xưa. Địa danh xóm Lò Gốm cũng được tìm thấy trong bản đồ của Trần Văn Học (1815). Sản phẩm đặc trưng của lò gốm là : lu (chum) lớn, chất liệu sành nâu ; nhiều hơn vẫn là các loại sản phẩm gốm và sành không men hoặc có men nâu hay men vàng (men da lươn, da bò); gốm men xanh trắng và men nhiều màu (tô, đĩa, bát, cốc, ly, đèn, lư hương, ấm trà, bình rượu, thìa muối...Lò gốm Hưng Lợi sản xuất từ giữa thế kỷ XVIII đến năm 1940.⁷

Gốm Cây Mai phát triển mạnh từ đầu thế kỷ XIX và tồn tại đến năm 1945. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX do nguyên liệu ngày càng khan hiếm và tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng , nên các lò gốm dời về Trường Thọ (Thủ Đức), Lái Thiêu và Biên Hòa, những nơi có nguồn nguyên liệu dồi dào , thuận tiện việc giao thương bằng đường sông.⁸

Sản phẩm của gốm Cây Mai khá đa dạng: ơ, siêu, bát, bình, lu, hũ, khạp có nắp, chậu tròn, chậu lục giác, thố có nắp, chố có quai, đôn tròn, đôn lục giác, lân, gạch trang trí hình vuông...Các quần thể tiêu tượng gốm có niên đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn có mặt ở các miếu, chùa ở TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Tiền Giang, Vĩnh

⁷ Nhiều tác giả (1998), *Di tích lịch sử văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.45, 47-48.

⁸ Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc (1994), *Gốm Cây Mai Sài Gòn xưa*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr. 6; Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên) (2009), *Gốm Lái Thiêu*, Bảo tàng Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh , tr.28-29.

Long...Trong đó nổi bật là các hiệu “Bửu Nguyên Diêu” , “Đồng Hòa Diêu” với nơi sản xuất là “Đề Ngan”(Sài Gòn).⁹

Nghề đúc đồng cũng có mặt ở đất Sài Gòn khá sớm . Những người thợ từ Qui Nhơn vào đất Gia Định những năm 1720-1750 lập ra làng chuyên đúc đồng Nhơn Giang (Nhơn Ngãi) ở khu vực Chợ Quán . Trong số các làng Nhơn Giang , Phước Hưng, Tân Hòa, Tân Thạnh, Tân Quảng và Bình An nằm dọc theo kênh Tàu Hủ nối liền Sài Gòn và Chợ Lớn năm 1865, thì Nhơn Giang là ngôi làng đẹp nhất, đa số dân theo đạo Công giáo. Trong tạp chí B .S.E.I năm 1888, nhà văn Nguyễn Trọng Quản có miêu tả về hoạt động của làng nghề này :”*Nếu ai có dịp đi thăm ông Pétrus Trương Vĩnh Ký tại nhà hẳn đã thấy những luồng khói đen tỏa lên từ những nhà tranh ở gần đây: đó là khói từ các lò đúc đồng*”.

Nghề đúc đồng ở đây đã có nhiều cải tiến về phương pháp sản xuất , kiểu dáng sản phẩm, dần dần trở nên nổi tiếng với một phong cách riêng . Tổng trấn Lê Văn Duyệt rất quan tâm , ông hay đến quan sát cách thức sản xuất của thợ và khách hàng tiêu thụ thường xuyên của làng nghề này.

Sản phẩm chính của làng nghề là các vật gia dụng như nồi , chảo, hộp trà, hộp thuốc, lò lửa, chân đèn, đặc biệt là lư hương . Lư hương thì có nhiều kiểu dáng : lư lục tượng, lư cổ đồng, lư bồn nam siêu, lư tre, lư mặt trăng. Khách hàng có thể đặt hàng theo kích cỡ riêng.¹⁰

Tháng 10/1799, Nguyễn Ánh điều động các thợ đúc có tay nghề cao ở các dinh Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận vào Gia Định đúc vũ khí để chống Tây Sơn . Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi, những người thợ đúc đã ở lại Tân Hòa Đông để lập nghiệp . Nghề đúc ở đây đã làm ra các sản phẩm có giá trị mỹ thuật còn lưu lại đến nay : lư hương, chân

⁹ Đặng Văn Thắng, Nguyễn Toàn Thi (1998), *Gốm Sài Gòn*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 4, tr.83.

¹⁰ Tôn Nữ Quỳnh Trân và tập thể tác giả (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống tại thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.31-33.

đèn, chân nến, chim hạc, đại hồng chung, tượng Phật, tượng La hán dùng trong các đình chùa, từ đường.¹¹

Đặc biệt là sản phẩm Lư Tre là một sáng tạo rất độc đáo của các nghệ nhân, được xem là đỉnh cao của nghệ thuật đúc đồng ở nước ta. Trên chiếc lư, cây tre được biến hóa thành toàn bộ trang trí, từ thân, nắp, đế, chân đến quai... Tre được *đúc lông* trên nắp, trên đế; *đúc nổi* trên thân lư. Tre được biến thành hình con lân, với đầu là gốc tre, mình là thân cây, 4 chân là cành tre nhiều ngành và đuôi lân là chùm lá tre. Tre được trang trí trên quai lư, trên bốn mặt viền quanh đế, quanh nắp và chân lư. Thợ đúc đồng làng Tân Hòa Đông sử dụng cách đúc rời từng bộ phận, sau đó ráp lại thành sản phẩm hoàn chỉnh.¹²

Một làng đúc đồng khác hình thành vào thế kỷ XIX hiện còn sản xuất là làng An Hội (phường 12, quận Gò Vấp), sản phẩm chủ yếu là lư hương các loại, do dòng họ Trần khởi xướng. Ban đầu họ chỉ truyền nghề trong dòng họ, về sau truyền cho cả rể, dâu. Các mặt hàng hiện nay luôn được cải tiến thay đổi mẫu mã liên tục cho thích hợp với nhu cầu thị trường. Sản phẩm được trưng bày ở các cuộc triển lãm, các bảo tàng, phổ biến rộng rãi.¹³

3. Kết luận

Những làng nghề xưa ở Sài Gòn tuy không còn tồn tại, nhưng qua đây cho thấy được tiến trình phát triển lịch sử tiểu thủ công nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh, để lại nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, quy hoạch, phát triển các nghề thủ công nơi đây. Ngành Du lịch có thể gắn kết với các giá trị văn hóa làng nghề, mà di chỉ lò gốm Hưng Lợi hoặc các sản phẩm làng nghề nay đã trở thành hiện vật trưng bày trong các bảo tàng là một ví dụ để tạo ra các sản phẩm du lịch phù hợp.

¹¹ Hồ Hữu Nhứt (chủ biên) (2005), *Địa chí quận 6*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.86-87.

¹² Bùi Văn Vượng (1998), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr.79, 81.

¹³ Tôn Nữ Quỳnh Trân và tập thể tác giả (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống tại thành phố Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.34-35.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Hòa (2006), *Vùng đô thị châu Á & TP Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
2. Trương Vĩnh Ký (1997), *Gia Định phong cảnh vịnh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
3. Tôn Nữ Quỳnh Trân và tập thể tác giả (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống tại thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Minh Hòa (2007), *Phố chuyên doanh ở Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
5. Nhiều tác giả (2008), *Đô thị hóa ở Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh từ góc nhìn lịch sử văn hóa*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
6. Vương Hồng Sển (1991), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trương Vĩnh Ký (1997), *Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận*, Nguyễn Đình Đầu dịch, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Thái An, Nguyễn Văn Kích (2005), *100 năm phát triển công nghiệp Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
9. Sylvie Fanchette, Nicholas Stedman (2009), *Khám phá các làng nghề Việt Nam mười lộ trình quanh Hà Nội*, Viện Nghiên cứu Phát triển-Nxb Thế giới, Hà Nội.
10. Trương Minh Hằng (2006), *Làng nghề thủ công mỹ nghệ miền Bắc*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

182 Nguyễn Chí Thanh, quận 10, TPHCM

ĐT: 098.3399.843

Email: ntloitw3@gmail.com

Tóm tắt tham luận

Đến năm 1791, khu vực Sài Gòn -Bến Nghé đã có 62 ty thợ, gồm các ty thợ mộc , làm nhà, chạm bạc, thừng chảo, tiện, cưa, đục, thợ may thêu, sơn, nhuộm, dệt hoa, thợ vẽ, dệt the, thợ lọng, thợ giấy, thép vàng, chế mực bằng muội đèn ...Các phường thợ đó đã để lại dấu vết trên các địa danh ở thành phố như : Hàng Đinh, xóm Chiếu, đường Thợ Tiện, cầu Muối, xóm Gốm, xóm Lá Buông , xóm Lò Rèn , xóm Cân, xóm Dầu, bến Vạn Đò , xóm Chi, xóm Lò Gốm, xóm Lò Vôi, chợ Đui, chợ Sồi, xóm Đệm Buồm, xóm Bột, cầu Đường, xóm Chậu, xóm Lua...Đặc biệt là các lò gốm Sài Gòn đã làm ra những sản phẩm đậm nét văn hóa của vùng đất này.

Việc nhận diện lại sự phát triển của các làng nghề thủ công ở thành phố Sài Gòn sẽ góp phần vào việc tìm hiểu tiến trình phát triển lịch sử thủ công nghiệp nơi đây, cũng như những bài học kinh nghiệm được rút ra trong việc phát triển du lịch làng nghề.

ABSTRACT

Thanh Loi Nguyen
The Pedagogy Junior college of Ho Chi Minh city

Until 1791, there were in the area of Sai Gon – Ben Nghe 62 working services including carpenters, housemakers, silversmiths, cordages, turners, sawers, moulders, sewing and embroidery, painters, dyers, flower weavers, drawers, silk weavers, parasols makers, shoemakers, gilders, ink makers (from lamps' soot)...whose marks now could be tracked back at some city's nameplaces such as: Hang Dinh (Nail Stall), Xom Chieu (Sedge Mat Hamlet), Duong Tho Tien (Turners Street), Cau Muoi (Salt Bridge), Xom Gom (Pottery Hamlet), Xom La Buong (Livistona Hamlet), Xom Lo Ren (Blacksmiths Hamlet), Xom Can (Scale Hamlet), Xom Dau (Oil Hamlet), Ben Van Do (Ten Thousands Ferries Wharf), Xom Chi (Threat Hamlet), Xom Lo Gom (Pottery Kiln Hamlet), Xom Lo Voi (Lime Kiln Hamlet), Cho Dui (Dui Market), Cho Soi (Oak Market), Xom Dem Buom (Dem Buom Hamlet), Xom Bot (Flour Hamlet), Cau Duong (Sugar Bridge), Xom Chau (Pot Hamlet), Xom Lua (Silk Hamlet)...especially Sai Gon's pottery kilns which made products bearing strong cultural figures of the region.

Re-identification of handicraft villages' development in Sai Gon city would help further studying of the history of handicraft industries' evolution of the region, and experience(s) that would be probably learnt from the development of handicraft villages tourism.